

# “Rites de Passage” trong trải nghiệm xuyên quốc gia của du học sinh Việt Nam

Mai Nhật Minh\*, Lương Nguyễn Ngọc Mai\*\*, Cao Thị Huế\*\*\*, Đỗ Phạm Quỳnh Anh\*\*\*\*, Nguyễn Vũ Hoàng\*\*\*\*\*

Nhận ngày 4 tháng 1 năm 2023. Chấp nhận đăng ngày 20 tháng 2 năm 2023.

**Tóm tắt:** Trải nghiệm ở nước ngoài của các du học sinh vẫn là một ẩn số cho các bậc phụ huynh, bạn bè và các ngành khoa học xã hội. Tuy gần đây có một số nghiên cứu về sự trở về của du học sinh, nhưng các nghiên cứu mới dừng lại ở góc độ tiếp cận hậu du học, chứ chưa có sự thấu hiểu về đời sống và những khó khăn của họ khi ở nước ngoài. Bài viết<sup>1</sup> sử dụng tiếp cận Nhân học văn hoá trong việc nghiên cứu quá trình du học sinh gia nhập vào không gian sống và học tập ở nước ngoài. Thông qua lý thuyết “rite de passage” (nghỉ thức chuyển tiếp), bài viết mô tả diễn tiến theo từng giai đoạn của các sinh viên trong khi du học, coi việc đặt chân lên nước bạn như thời khắc bắt đầu sự chuyển tiếp hướng đến sự trưởng thành của một con người cho đến khi về nước, đồng thời chỉ ra những tác động của cuộc sống, học tập ở nước ngoài đã giúp các du học sinh điều chỉnh những dự định cho sự nghiệp tương lai.

**Từ khóa:** Du học sinh, nghỉ thức chuyển tiếp, xuyên quốc gia.

**Phân loại ngành:** Nhân học

**Abstract:** Overseas experience of Vietnamese students remains a mystery to their parents, friends, even the social sciences. A lot of research has been done on the return of Vietnamese students; however, it is only some perspectives of the post-overseas study, which has not mentioned thoroughly about their life and difficulties when living abroad. The article uses the cultural anthropology approach in studying the process of international students joining foreign environment. Through the rite de passage theory, the article describes the staged progression of students while studying abroad. Vietnamese students' arrival in the host country will begin the transition to the growth of a person until he/she returns home. Besides, the research shows off the effects of living and studying abroad that have helped international students adjust their future career plans.

**Keywords:** Overseas students, Rite de passage, transnationalism.

**Subject classification:** Anthropology

## 1. Mở đầu

Hoạt động xuyên quốc gia như du học, du lịch, lao động và thương mại là một xu hướng tất yếu trong thời kỳ hội nhập và toàn cầu hóa. Dòng chảy xuyên quốc gia về giáo dục thông qua các hình thức di cư học tập như du học, trao đổi học thuật giữa các quốc gia là một trong những dòng dịch chuyển ngày càng tăng lên về số lượng. Đặc biệt, sau năm 1986, Việt Nam đổi mới toàn diện về kinh tế - xã hội, trong đó, sự đổi mới giáo dục với “chính sách mở” đã tạo cơ hội tái thiết và mở rộng một dòng chảy xuyên quốc gia về giáo dục và phát triển nguồn nhân lực (Trần Khánh Đức, 2020). Đã có nhiều nghiên cứu về giáo dục gắn với trải nghiệm của các du học sinh sau khi trở về nước, tuy nhiên rất ít nghiên cứu khai thác chủ đề trải nghiệm xuyên quốc gia của du học sinh Việt Nam bằng tiếp cận Nhân học để phân tích những chuyển biến về dự định cho sự nghiệp từ góc nhìn

\*, \*\*, \*\*\*, \*\*\*\*, \*\*\*\*\* Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Email: hoang.nguyen@vnu.edu.vn

<sup>1</sup> Bài viết được thực hiện trong khuôn khổ công trình nghiên cứu khoa học sinh viên do Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội tài trợ.

của chủ thể. Những nghiên cứu về giáo dục, nghiên cứu tìm ra nguyên nhân chảy máu chất xám tập trung vào đối tượng du học sinh cũng chưa thật sự thỏa đáng, chưa đi sâu nhiều vào mối quan hệ giữa trải nghiệm và các dự định định hướng tương lai như nhập cư hoặc về nước (Nguyễn Hồng Chí, 2013, 2020; Nguyễn Thuỳ Trang và Phạm Thị Minh Trang, 2018). Trong khi đó, việc xem xét những định hướng tương lai của du học sinh là cần thiết khi nguồn lực này có khả năng ảnh hưởng đến kinh tế - xã hội thông qua các vấn đề như: chuyển dịch nhân lực, chảy máu chất xám.

Nghiên cứu của chúng tôi nhận thấy mối quan hệ giữa những trải nghiệm xuyên quốc gia với việc du học sinh đưa ra những kế hoạch, dự định mang tính định hướng tương lai của họ. Mối quan hệ này có thể được làm rõ thông qua lý thuyết “rites of passages” (nghi thức chuyển tiếp). Du học sinh khi trải nghiệm và tương tác với văn hóa đất nước mới trải qua quá trình Thoát ly (Separation) và Chuyển biến (Liminality) và Trở về/Tái hòa nhập (Incorporation/Reintegration), từ đó, người học luôn có sự xem xét, đổi thay các dự định định hướng tương lai, các kỳ vọng. Rõ ràng, những trải nghiệm trong quá trình du học có thể tác động và góp phần tạo ra những sự chuyển đổi lớn về mặt vai trò, vị trí của người học trong quá trình hòa nhập, thích nghi với đất nước du học.

Quá trình này góp phần giúp người học làm rõ và khẳng định giá trị bản thân, tiến tới tạo lập các kế hoạch và dự định cho tương lai. Việc tìm hiểu, phân tích mối quan hệ giữa trải nghiệm du học và dự định định hướng tương lai giúp nắm bắt được các yếu tố ảnh hưởng đến dự định của du học sinh, cung cấp những cái nhìn đa chiều nhất về vấn đề du học; đồng thời giúp các nhà hoạch định chính sách nhìn nhận các phương án giữ nguồn nhân lực, phát triển nhân lực, tránh chảy máu chất xám.

Trong giới hạn nghiên cứu, chúng tôi tập trung vào Mỹ và Nhật Bản, hai trong nhiều dòng chảy du học chính đang thu hút nhiều du học sinh quốc tế. Là một nghiên cứu định tính, nhóm tác giả hướng tới việc tìm hiểu các diễn ngôn trong đời sống của du học sinh thông qua phương pháp chọn mẫu bóng tuyết lăn (snowball sampling). Việc mở rộng mối quan hệ với người cấp tin và nhờ họ giới thiệu tiếp các bạn bè của họ đã được thực hiện trong nghiên cứu này. Nhóm nghiên cứu vận dụng kỹ thuật phỏng vấn sâu, gồm 5 du học sinh đang học tập ở Mỹ và 4 sinh viên ở Nhật Bản. Về các thông tin nhân khẩu học, có 4 người là nam và 5 người là nữ. Năm sinh của các đối tượng trong khoảng từ 1998-2002. Thời gian tiến hành phỏng vấn tập trung từ tháng 11/2021 - 01/2022. Phương pháp nghiên cứu trường hợp thật sự hiệu quả trong việc khai thác sâu những đặc điểm của khách thể và đặt trong môi trường du học.

## 2. Trải nghiệm xuyên quốc gia và định hướng tương lai

### 2.1. Trải nghiệm xuyên quốc gia

Sự phát triển của dòng chảy con người xuyên quốc gia đã tạo nên những trải nghiệm mới liên quan tới tương tác và giao lưu với những môi trường văn hóa khác. Trong quá trình thích ứng với môi trường mới, những người di cư có xu hướng tiếp nhận văn hóa, và đồng thời duy trì bản sắc chủ thể thông qua việc giữ mối quan hệ với quê hương. Một số nghiên cứu đi trước về chủ nghĩa xuyên quốc gia cũng đã đề cập tới vấn đề người di cư duy trì một mạng lưới kết nối với đất nước mẹ đẻ của họ. Nguyễn Vũ Hoàng (2018) đã phân tích mối quan hệ xuyên quốc gia của người Mỹ gốc Việt với quê hương Việt Nam, chỉ ra mối quan hệ này diễn ra liên tục và ngày càng được củng cố thông qua những hoạt động diễn ra ở cả 2 đất nước. Binaisa, khi phân tích những luồng di cư xuyên quốc gia, đã đặt tên là “lĩnh vực xã hội xuyên quốc gia” (Binaisa, 2013). Tran và Gomes (2017) đã sử dụng khái niệm này để bàn luận về cách thức mà luồng ý tưởng, kinh nghiệm và mạng lưới tương tác xã hội được hình thành từ việc di chuyển xuyên quốc gia của du học sinh.

Với nghiên cứu này, chúng tôi nhấn mạnh vấn đề trải nghiệm xuyên quốc gia để làm nổi bật được nhận thức của những sinh viên Việt Nam đang đi du học nước ngoài trong việc định hình bản sắc cá nhân trong quá trình hòa nhập vào một xã hội. Những trải nghiệm xuyên quốc gia xuất phát từ những hoạt động thể chất hàng ngày của họ tại nước sở tại như: làm quen và gặp gỡ bạn bè,

tham gia những hoạt động tại địa phương, làm việc tại một tổ chức nào đó... Chúng tôi sẽ nhấn mạnh sự tương tác của những du học sinh trong xu hướng kết bạn với bạn bè địa phương hay quốc tế, những chiến lược kết nối và giúp đỡ nhau của những nhóm đồng hương người Việt Nam, cũng như cách thức mà những du học sinh duy trì các mối quan hệ với quê hương của mình. Chúng tôi nhận thấy rằng, việc tích lũy kinh nghiệm từ trải nghiệm xuyên quốc gia đã tác động sâu sắc tới việc đánh giá và đưa ra những quyết định tương lai sau tốt nghiệp của du học sinh Việt.

## 2.2. Định hướng tương lai

Tại nghiên cứu này, chúng tôi sẽ bàn luận về “dự định định hướng tương lai” của du học sinh Việt Nam tại bậc đại học dưới tác động của những trải nghiệm xuyên quốc gia. Điều này được thể hiện qua những kế hoạch của họ liên quan tới thời điểm trở về nước, vấn đề định cư tại nước ngoài, học lên chương trình cao hơn, dự định về công việc... Do tất cả chỉ là kế hoạch, đồng thời với khách thể đặc thù là các du học sinh Việt Nam học hệ đại học, nên chúng tôi nhấn mạnh tới yếu tố dự định của họ. Seigner và Halabi-Kheir (1998) đã xem xét khái niệm về “định hướng về tương lai” (future orientation) của một cá nhân, bao gồm việc họ có hình ảnh tưởng tượng thế nào về tương lai và những hình ảnh đó được phản ánh qua nỗi sợ và hy vọng. Vấn đề này được hai tác giả giải thích dưới khía cạnh những kỳ vọng vào việc thanh thiếu niên sẽ chủ động bước vào quá trình trưởng thành bằng việc cân nhắc, lên kế hoạch và chuẩn bị cho tương lai trong bối cảnh xã hội phương Tây. Từ đó, Nurmi (2005) đã giải thích khái niệm về định hướng tương lai dựa trên cách suy nghĩ và hành động vì tương lai của con người. Để có thể khẳng định về định hướng tương lai, đòi hỏi chủ thể phải có rất nhiều nhận thức và động lực. Quá trình nhận thức bao gồm: thu nhận kiến thức về tương lai, lên kế hoạch, lường trước, khám phá và đưa ra lựa chọn về những cơ hội trong tương lai. Về chiều động lực của định hướng tương lai bao gồm: mục tiêu, giá trị, sự cam kết với tương lai, và những mối quan tâm, băn khoăn, hoặc sợ hãi. Chiều hướng liên quan đến cảm xúc bao gồm: sự đánh giá các cảm xúc và thái độ như cảm giác tích cực, tiêu cực, hy vọng, tuyệt vọng. Nurmi (1991) chỉ ra rằng, ba khía cạnh này của định hướng tương lai (nhận thức, cảm xúc, động lực) được nhìn nhận như một hệ thống hơn là ba thực thể tách biệt nhau. Ông giải thích rằng, con người đặt ra mục tiêu dựa trên những giá trị, động lực và mong chờ của họ về tương lai. Tiếp theo là lên kế hoạch khi mỗi cá nhân tìm cách để nhận ra mục tiêu của mình. Họ cũng đánh giá khả năng để hiện thực hóa kế hoạch và đạt được mục tiêu của bản thân. Tuy nhiên, liệu những kế hoạch đó có chịu thay đổi do quá trình tương tác xã hội hay không thì cần một lăng kính lý thuyết để phân tích. Lý thuyết “nghĩ thức chuyển tiếp” có thể cung cấp một góc nhìn mới về sự tác động giữa kế hoạch và môi trường xã hội mà chủ thể đó đang sinh sống.

## 3. Lý thuyết “nghĩ thức chuyển tiếp”

Năm 1909, Arnold van Gennep đề xuất khái niệm “rites of passage” (nghĩ thức chuyển tiếp) nhằm chỉ những nghi thức nhấn mạnh tới sự thay đổi vị thế xã hội của một cá nhân giữa các nhóm xã hội. Các hình thái của “nghĩ thức chuyển tiếp” được chỉ ra như: địa vị (status); địa điểm (place); trạng thái (situation); thời gian (time) (Turner, 1967: 94). Từ đó, A. van Gennep đề xuất một chu trình gồm ba giai đoạn nối tiếp nhau: (1) Thoát ly: giai đoạn đầu tiên, được hiểu là quá trình mất đi bản sắc (identity) với tính chất đột ngột (abrupt) hoặc bạo lực (violent). Cá nhân sẽ phá vỡ các mối quan hệ của bản thân, gia đình và cộng đồng và được biểu trưng bằng sự xa lạ hoá (alienation) hoặc chuyển dịch (movement) giữa các ranh giới; (2) Chuyển tiếp: giai đoạn thứ hai, nhấn mạnh tới thời gian “ở giữa” (in-between) khi mà con người đã đánh mất bản sắc gốc, nhưng chưa hoàn thành quá trình xây dựng địa vị ở cộng đồng mới; (3) Hoà nhập: giai đoạn cuối cùng, thường được hiểu là khi cá nhân đã thoát khỏi quá trình xa lạ hoá và quay trở lại với cộng đồng với một bản sắc/ định danh mới (van Gennep, 1960).

Vào những năm 1960, Victor Turner cho rằng, cuộc đời của một con người bao hàm những sự chuyển tiếp và thay đổi theo chu kỳ liên tục, chịu sự ảnh hưởng của các xã hội truyền thống và

được gọi là “nghỉ thức chuyên tiếp”. Kế thừa van Gennep, Turner đã chỉ ra những kịch tính và dòng chảy của cuộc sống xã hội; đồng thời, nhấn mạnh tới tính chủ thể của các nghi thức nền tảng tạo ra sự thay đổi. Nghi thức chuyển đổi cho phép những người tham gia trải nghiệm hoặc tạo ra các mối quan hệ xã hội (Turner, 1974). Vai trò thể hiện sự hiện diện của cá nhân với cộng đồng thông qua các nghi lễ cũng được nhấn mạnh (Turner, 1967).

Nghiên cứu của chúng tôi nhấn mạnh tới giai đoạn thứ hai khi cho rằng, sự trải nghiệm xuyên quốc gia của các du học sinh là một sự trình hiện có đặc trưng của sự mơ hồ và tính phi chính thống bởi việc “đình chỉ các cấu trúc xã hội nguyên gốc” (Turner, 1974). Turner (1969) cho rằng, các chủ thể trong trạng thái “chuyên tiếp” sẽ mang các tập tính cùng các cấu trúc đời sống hàng ngày có tính chất “giữa” (betwixt and between) - một vị trí xã hội không xác định chính thức. Do đó, sự dịch chuyển xuyên quốc gia của các du học sinh người Việt là một phần của “nghỉ thức đến tuổi trưởng thành” được thể hiện bằng chính cuộc sống của đối tượng thông qua các hoạt động và tính chủ thể.

#### **4. Trải nghiệm xuyên quốc gia và dự định định hướng tương lai của du học sinh Việt Nam: một số nghiên cứu trường hợp**

##### *4.1. Di cư giáo dục xuyên quốc gia tại Việt Nam sau năm 1986 cho đến nay*

Từ giữa thập niên 1980, giáo dục được cho là một trong những nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu trong quá trình đổi mới. Hội nghị lần thứ hai Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) (tháng 12/1996) đã khẳng định: “Thực sự coi giáo dục - đào tạo, là quốc sách hàng đầu”. Giáo dục Việt Nam đã có những thành tựu nhất định, song vẫn tồn tại nhiều hạn chế khi chất lượng giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực cao vẫn chưa đáp ứng đủ nhu cầu thời kỳ đổi mới hội nhập. Hiện nay, chất lượng nguồn nhân lực đang trở thành yếu tố quyết định nhất đối với việc tăng lợi thế cạnh tranh cũng như sự phát triển nhanh và bền vững của mỗi quốc gia, trong khi giáo dục và đào tạo ở Việt Nam chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển nguồn lực này. Vì vậy, du học ở các nước phát triển là một trong những xu hướng, nhu cầu tất yếu trong thời kỳ đổi mới, hội nhập. Lựa chọn đi du học ngày càng tăng không chỉ về số lượng du học sinh, mà còn đa dạng về các quốc gia mà du học sinh lựa chọn để học tập, làm việc.

Mặc dù xu hướng du học ở Việt Nam tăng cao, nhưng lại có ít nghiên cứu, thống kê cụ thể về tình hình du học của các du học sinh. Theo Nguyễn Hồng Chí (2013), số lượng du học sinh Việt Nam càng ngày càng gia tăng, xu hướng dòng chảy này vẫn chưa được nghiên cứu thỏa đáng, ngoại trừ một số rất ít bài viết về dòng chảy du học sinh từ đầu thế kỷ XX đến nay. Khảo sát của cơ quan chính phủ các nước tiếp nhận thường đưa ra những kết quả mang tính thống kê về mặt quản lý hồ sơ thị thực mà không kèm theo bất kỳ phân tích học thuật nào.

Việt Nam là quốc gia có số lượng lớn du học sinh tại các nước phát triển với mong muốn được tiếp cận với môi trường giáo dục mới, tìm kiếm cơ hội, việc làm, đồng thời được trải nghiệm và khám phá những điều mới mẻ về văn hóa, đất nước và con người của các nước. Theo số liệu thống kê của Bộ Giáo dục và Đào tạo, năm 2020, Việt Nam có khoảng 190.000 du học sinh đang học tập, nghiên cứu tại các quốc gia phát triển như Úc (30.000), Mỹ (29.000), Canada (21.000), Anh (12.000), Trung Quốc (11.000)... Riêng tại Mỹ, năm học 2019-2020, Việt Nam tiếp tục đứng vị trí thứ 6 trong danh sách những nước dẫn đầu về số lượng sinh viên du học và đóng góp 827 triệu USD cho nền kinh tế này (Phạm Trang, 2020).

Nhìn nhận về vấn đề giáo dục và phát triển nguồn lực ở Việt Nam, có thể thấy rằng, du học đang tạo ra những cơ hội mở về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và giao lưu tiếp biến liên văn hóa. Tuy nhiên, bên cạnh những yếu tố tích cực như trên, còn có những yếu tố tiêu cực, như vấn đề chảy máu chất xám. Trong thời kỳ hội nhập và toàn cầu hóa, vấn đề giữ chân nhân lực, tránh chảy máu chất xám đang là một thách thức lớn cho Việt Nam. Theo thống kê không chính thức, khoảng 70% số du học sinh Việt Nam muốn làm việc tại nơi mình học sau khi tốt nghiệp, trong khi nhiều sinh viên trong nước muốn ra nước ngoài thử sức làm việc ở một môi trường mới (Phạm Thị Thanh Bình,

Vũ Thị Thanh Bình, 2021). Không chỉ đến khi kết thúc đại học, mà ngay từ khi lựa chọn du học hay trong quá trình học tập quốc tế, du học sinh đã đứng trước những dự định tương lai nhất định.

#### 4.2. *Trải nghiệm xuyên quốc gia du học sinh: từ xa lạ đến “tiệm cận” quen thuộc*

Phần này chúng tôi tập trung khắc họa các trải nghiệm xuyên quốc gia đã tác động tới định hướng tương lai của các chủ thể như thế nào. Nghiên cứu xác định trải nghiệm xuyên quốc gia bắt đầu từ khi các du học sinh bắt đầu rời Việt Nam đến các đất nước “nhập cư”, nơi diễn ra việc học tập ở cấp học mới; vận dụng lý thuyết “nghi thức chuyển tiếp”, nghiên cứu xem xét việc du học của du học sinh Việt Nam bậc đại học như một phần của nghi lễ “đến tuổi trưởng thành” (coming of age) - gồm cả những cấu trúc của cuộc sống cho đến bối cảnh cụ thể và tính chủ thể. Bản thân quá trình thay đổi và củng cố định hướng tương lai của du học sinh phản ánh diễn trình từ tuổi thanh niên lên trưởng thành (Seginer & Halabi, 1998).

Các khách thể nghiên cứu chủ yếu đi du học với lý do học tập và trải nghiệm. Cũng từ khi rời Việt Nam, cũng chính là thời điểm các du học sinh tách khỏi cộng đồng gốc của mình (giai đoạn Separation). Thời điểm chia tay họ hàng, bạn bè ở gia đình trước lúc lên đường hay ở sân bay trước khi xuất cảnh là thời khắc đánh dấu giai đoạn 1 bắt đầu. Các du học sinh sẽ cảm nhận sự đột ngột ngắt các mối quan hệ thân thuộc hàng ngày, rơi vào trạng thái cô đơn, lẻ loi trong một xã hội sử dụng ngôn ngữ và văn hoá khác biệt hoàn toàn. Khi nhập cảnh vào nước du học và bận rộn trước các công việc như: nhập học, thuê nhà, đăng ký lớp học,... nhằm ổn định cuộc sống, các du học sinh sẽ bớt dần những sợi dây liên lạc với gia đình, bạn bè so với trước đây. Vậy, giai đoạn Chia tách được hoàn thành và dần tạo ra sự “xa lạ hoá” với thành viên gia đình và bạn bè ở quê hương khi không trực tiếp tham gia vào hoạt động hàng ngày.

Tiếp đó, giai đoạn 2 (Chuyển tiếp - Liminality) bắt đầu với việc mỗi du học sinh sẽ phải xoay sở, tìm cách hòa nhập với cuộc sống mới. Trước môi trường mới, việc phải làm quen, thích ứng với xã hội đầy những lạ lẫm là điều bắt buộc. Du học sinh cố gắng duy trì các hoạt động thông thường, nhưng có sự điều chỉnh để thích nghi hơn với bối cảnh mới. Quá trình thích nghi của họ có ghi nhận tình trạng sốc văn hoá, nhưng ở mức độ khác nhau. Trong khi một số du học sinh không gặp hoặc gặp rất ít sự lạ lẫm; thì trong một số trường hợp khác, hiện tượng này lại diễn ra khá mạnh mẽ khiến nhiều lúc họ phải thu mình lại. Trước sự khác biệt đó, đa số du học sinh cho rằng, sự chuẩn bị từ ban đầu đóng vai trò tương đối quan trọng. Nhiều người có sự tiếp xúc trước đó với đất nước du học thông qua truyện tranh, phim ảnh,... đã tạo nên sự chuẩn bị, giúp không cảm thấy ngỡ ngàng khi đi sang.

Các du học sinh khi mới sang đều tự so sánh môi trường văn hóa - xã hội giữa nước mẹ đẻ và nước du học. Điều này có thể ảnh hưởng trực tiếp đến lối sống, tác động đến giá trị quan và thách thức bản sắc văn hóa của họ. Nhiều trường hợp, thậm chí, còn tạo ra cảm giác sợ và mệt mỏi khi mới tiếp nhận các giá trị văn hóa, lối sống mới. Dường như, đây là thời điểm mà tính chủ thể của du học sinh bị xáo trộn trong những cấu trúc cuộc sống mới và cũ khi vị thế mới chưa hoàn toàn được hình thành, với đặc trưng là sự mơ hồ. Điều đó được thể hiện qua những liên kết mạnh mẽ về nỗi nhớ tới môi trường cũ, các yếu tố của văn hóa cũ như con người, đồ ăn, nhớ về các mối quan hệ tại Việt Nam. Những vấn đề này có thể trở thành cản trở hay động lực về những định hướng tương lai ban đầu của du học sinh. Chính trong những phút giây đó, các du học sinh đã thực hiện một loạt các chiến lược thích nghi mà các hoạt động thể chất (hoạt động học tập và tham gia trải nghiệm văn hoá - lối sống của đất nước sở tại như: giao thông, các hoạt động giải trí, làm thêm, kết bạn, tương tác với người bản địa...) được đánh giá là có hiệu quả then chốt nhằm cải thiện những ngỡ ngàng ban đầu và giúp các chủ thể hòa nhập vào cộng đồng với địa vị mới trong suốt quá trình du học.

Như vậy, có thể thấy rằng, cuộc sống của các du học sinh luôn có sự linh hoạt, đi kèm với đó là sự bấp bênh. Dưới tác động của các khía cạnh xã hội và kinh tế, bản thân các chủ thể đều có sự thận trọng trong các quyết định của mình bởi bản thân họ đang trong một tình trạng tạm thời được tạo lập bằng các cấu trúc xã hội và những mong muốn, khát vọng và ước mơ. Trong xã hội ngày nay, việc được tuyển dụng vào các công ty, doanh nghiệp có vị thế lớn trong thị trường lao động cũng chính là

một cách khiến cho sự mơ hồ đó giảm bớt, như trong trường hợp của bạn S, sinh viên năm 3 ngành Khoa học máy tính tại Mỹ. Hành trình ứng tuyển vào các công ty công nghệ lớn trên thế giới như Facebook, Amazon... đã được ghi nhận trong các buổi phỏng vấn sâu. Tuy nhiên, ở một khía cạnh khác, việc khẳng định địa vị của người này sẽ khiến cho người khác rơi vào trạng thái mơ hồ về định hướng và mục tiêu của mình - mà hiện nay nhiều người gọi là “peer pressure” (áp lực đồng trang lứa) - thông qua xu thế toàn cầu hoá ngày nay. Điều này rất hợp lý với quan sát của chúng tôi khi bạn U (du học sinh năm 3 ngành Khoa học máy tính tại Mỹ) nhìn thấy một bài đăng của bạn bè khoe về việc trúng tuyển vào các công ty hàng đầu về công nghệ ở Mỹ, và gọi đó là những bài đăng “độc hại”.

Cũng trong giai đoạn chuyển tiếp thứ 2 này, trải nghiệm về mối quan hệ với gia đình của các du học sinh cũng có những thay đổi đáng ghi nhận. Ở độ tuổi chưa thành niên (dưới 18), cha mẹ đóng vai trò chính và quan trọng, xuất phát từ những chức năng mà cha mẹ cần thực hiện đối với con cái khi chưa trưởng thành và sống phụ thuộc (Đặng Bích Thủy, 2012). Việc du học bậc đại học của sinh viên Việt Nam như một “nghi thức đến tuổi trưởng thành”. Thời gian đầu khi mới sang, đa số ít hoặc không duy trì mối liên lạc với gia đình. Nhiều sinh viên cho rằng, việc được làm chủ một cách tuyệt đối cuộc sống cá nhân khiến, trong giai đoạn đầu, họ muốn thả mình trong cảm giác tự do. Tuy nhiên, về sau, xu hướng phát triển của việc làm chủ này bắt đầu trở thành các cảm giác của tinh thần trách nhiệm và nguyện vọng lo toan gia đình. Việc “nghĩ đến bố mẹ” nhiều lúc trở thành động lực để tiếp tục ở lại đất nước du học. Ngoài ra, nhiều du học sinh cho rằng, việc tự đi làm cùng thể hiện sự quan tâm qua gửi đồ về nhà cũng là một cách nhằm “thoát ly” với những sự phụ thuộc ở nhà. Điều này cho thấy một quá trình chuyển đổi vị thế của người con trong gia đình khi bước vào giai đoạn trưởng thành, mong muốn báo đáp công ơn cha mẹ đã nuôi dạy.

Biến chuyển trong mối quan hệ bạn bè cũng là một chiều cạnh cần lưu tâm trong giai đoạn “chuyển tiếp” này. Có thể chia mối quan hệ của các du học sinh ra làm ba hình thức: bạn bè ở quê hương; du học sinh với cộng đồng người Việt Nam ở nước sở tại; người dân sở tại và bạn bè quốc tế. Đa số những trường hợp chúng tôi phỏng vấn đều ghi nhận được sự xa cách bạn bè ở Việt Nam do không có chủ đề chung, cuộc sống bận rộn. Rõ ràng, đã có sự phân tách trong mối quan hệ của du học sinh, giữa những người bạn thân và không thân trong trường hợp của M. Bên cạnh đó, để hòa nhập được với nước du học, việc quan hệ với người sở tại và bạn bè quốc tế cũng là vấn đề quan trọng được đặt ra. Rào cản môi trường văn hóa, ngôn ngữ khiến việc mở rộng các mối quan hệ mới ở đất nước du học của sinh viên gặp phải trở ngại nhất định.

Cộng đồng người Việt Nam ở đất nước sở tại đóng vai trò quan trọng trong tâm thức của các du học sinh, bởi lẽ nó mang lại sự gần gũi quê hương và, đặc biệt là, sự tương đồng về văn hoá. Sự hào hứng của B, du học sinh ngành Văn học tại Nhật Bản, khi được gặp những người bạn được gọi bằng hai chữ “đồng hương” được thổ lộ: “Có bạn bè người Nhật thì mình tự tin hơn khi ở Nhật, mình nhờ các bạn ấy tư vấn mọi thứ được; còn bạn bè người Việt Nam hay còn gọi là đồng hương thì cho mình cảm giác an toàn, mình cảm thấy có thể thân thiết hơn”. Chúng tôi nhận thấy rằng, có một mạng lưới người Việt Nam ở Nhật Bản được hình thành dưới dạng những hội lớn, nhóm từ quy mô tăng dần có thể bắt đầu từ những mối quan hệ bạn bè, nhóm chơi cùng lớp, hội đồng hương cùng trường, cùng một thành phố và hội du học sinh tại chính nước sở tại và cuối cùng là hội du học sinh chính thức người Việt ở nước sở tại. Nhờ có những cấp độ hội/ nhóm như vậy đã tạo nên một mạng lưới thông tin kết nối những du học sinh xích lại gần nhau hơn.

Theo van Gennep và Turner, giai đoạn 3 (Hòa nhập/ Incorporation) là giai đoạn chủ thể đó trở về với xã hội trước khi thoát ly/ chia tách, nhưng với một vị thế, định danh mới có được sau khi vượt qua giai đoạn chuyển tiếp. Tuy nhiên, trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi cho rằng thậm chí trước khi bước sang giai đoạn 3 thì đã hình thành những sản phẩm là hệ quả của những trải nghiệm xuyên quốc gia trong giai đoạn chuyển tiếp. Ở giai đoạn 2, có thể thấy sự mơ hồ gần như là một “trạng thái bất biến” diễn ra trong suốt sự trải nghiệm của các du học sinh Việt Nam. Thông qua những trải nghiệm từ quan sát, so sánh, tiếp xúc và tương tác của các du học sinh, nghiên cứu của chúng tôi nhận thấy có những chuyển biến trong suy nghĩ và hành động của họ về những dự định tương lai.

#### 4.3. *Củng cố và thay đổi dự định định hướng tương lai sau trải nghiệm du học*

Theo lý thuyết *Liminal rites of passage*, để hoàn thành một nghi thức chuyển tiếp, du học sinh sẽ phải trải qua 3 quá trình với sự thay đổi về vai trò. Quyết định về dự định định hướng tương lai theo nghĩa này có thể hiểu là việc du học sinh có những chuyển biến về các dự định như về nước, định cư hay học lên cao hơn,... Qua các phân tích về quá trình du học của du học sinh, chúng tôi nhận thấy những dự định và lựa chọn của họ mang tính tạm thời. Ngay từ khi lựa chọn du học hay trong quá trình học tập, du học sinh đã có những dự định tương lai nhất định. Việc tích lũy các kinh nghiệm và tương tác với môi trường văn hóa mới đã tác động sâu sắc tới việc đánh giá và đưa ra những dự định tương lai của du học sinh Việt. Cụ thể trong nghiên cứu này, những dự định tương lai của du học sinh có những chuyển đổi theo 2 xu hướng chính: thay đổi định hướng tương lai và củng cố định hướng tương lai.

##### a) *Củng cố dự định định hướng tương lai*

Củng cố định hướng tương lai được coi là một trong những tiến trình phát triển quan trọng của một người, bởi lẽ đây là bước đầu tiên trong quá trình chuyển tiếp từ thời niên thiếu lên thành người lớn. Quá trình này chịu sự tác động của những giá trị của môi trường và văn hoá (Seginer, 2009). Đầu tiên, việc củng cố định hướng tương lai của du học sinh chịu nhiều tác động của môi trường văn hóa xã hội tại nước du học. B, du học tự túc tại Nhật, là một du học sinh đã có nhiều sự tìm hiểu và kế hoạch rõ ràng ngay từ khi mong muốn du học. Ngay từ trước khi đi du học, B đã mong muốn có thể trở thành phiên dịch tại Nhật. Qua quá trình trải nghiệm môi trường văn hóa, B cảm thấy rất phù hợp, mong muốn làm việc ở Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản và dự định của B còn phát triển lên cao hơn: “Nếu có cơ hội và kinh tế ổn mình cũng muốn định cư ở Nhật Bản”. Những dự định của B chịu ảnh hưởng nhiều từ sự yêu thích đối với môi trường văn hóa - xã hội tại Nhật.

Không chỉ “nghĩ đến bố mẹ” trong quá trình hòa nhập hay thích ứng, các du học sinh luôn có sự cân nhắc đến yếu tố gia đình trong khi đưa ra các dự định, kế hoạch cho tương lai. C, du học tự túc tại Nhật Bản, đã có dự định rõ ràng ngay từ trước khi du học là sẽ về Việt Nam, dự định của C không có nhiều thay đổi mà chỉ mang tính chất củng cố hơn. Thời gian đầu, C không thích nghi được sự khác biệt văn hóa, thấy môi trường Việt Nam “dễ thở hơn nhiều”, ở Nhật Bản C luôn “sợ làm điều gì khác biệt với họ, phạm vào điều cấm kị của họ”, cùng với áp lực kinh tế khiến anh từng có ý định bỏ học để cố gắng kiếm tiền về nước. Tuy nhiên, nghĩ đến bố mẹ, C cảm thấy không thể bỏ dở giữa chừng, phải có trách nhiệm và cố gắng học để có thể về Việt Nam lập nghiệp. Gia đình là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến dự định của anh. C chia sẻ “Bố mẹ anh cũng không muốn anh ở lại Nhật Bản mà muốn anh về nước”. Dự định trên của C cũng chịu nhiều sự ảnh hưởng văn hóa truyền thống của Việt Nam đối với vị trí người con trai trong gia đình: theo anh: “Con trai mà sau này không có sự nghiệp thì chết, anh còn phải lo cho bố mẹ, rồi cũng phải lập gia đình, nên anh cũng suy nghĩ nhiều”.

Tương tự, gia đình cũng là một trong những yếu tố khiến QP cố gắng duy trì học tập và mong muốn kiếm tiền tại Mỹ. Ngay từ đầu, lý do du học của QP là cơ hội kiếm tiền, học tập và trải nghiệm, ngoài ra vì “Mỹ có nhiều học bổng cao”. Dự định của QP mang tính chất củng cố khi chỉ mong muốn có thể kiếm nhiều tiền nhất trong thời hạn còn visa tại Mỹ. Mặt khác, ở chiều ngược lại, mối quan hệ gia đình không thoải mái đã củng cố ý định ở lại Mỹ của Li: “Em luôn nghĩ việc em đi du học là em sẽ thoát được bố mẹ em”. Có thể thấy khi du học sinh đưa ra những dự định, ngoài những cơ hội hay ước mơ của bản thân, đa phần những quyết định của họ đều có sự tác động lớn từ phía gia đình ở Việt Nam.

##### b) *Thay đổi dự định định hướng tương lai*

Việc thay đổi dự định định hướng tương lai so với mong muốn trước khi du học xảy đến với S. Trong quá trình học tập và trải nghiệm tại đất nước du học, S đã có sự thay đổi một phần các dự định của bản thân, quyết định khi học lên cao sẽ đổi ngành học cho phù hợp hơn. Kèm theo sau dự định đó là một kế hoạch tiếp theo, khả năng định cư tại Mỹ. Dự định này phụ thuộc nhiều vào lý do

và trải nghiệm cá nhân, sự thay đổi suy nghĩ của S sau khi sống tại môi trường cởi mở như Mỹ: “Tôi là người trong cộng đồng Làng Gồm Bát Tràng (LGBT+) cho nên nó liên quan đến việc hẹn hò với bạn gái của tôi nữa. Nếu như mà tiếp tục ở Việt Nam thì kiểu chúng tôi sẽ không kết hôn các thứ, còn ở bên này cũng được gọi là thoải mái hơn, được bảo vệ, sẽ dễ dàng được luật pháp bảo hộ các thứ, gọi là liên quan đến pháp lý”. Những lo lắng của S hoàn toàn có cơ sở khi, mặc dù thời gian gần đây pháp luật Việt Nam đã có nhiều bước tiến đáng kể trong vấn đề hôn nhân đồng giới<sup>2</sup>, tuy nhiên, vẫn đang dừng lại ở việc “Nhà nước không thừa nhận hôn nhân giữa những người cùng giới tính”<sup>3</sup>. Rõ ràng, trong trường hợp này, những chính sách văn hóa - xã hội có ảnh hưởng đáng kể đến các dự định định hướng tương lai của du học sinh.

K cũng đã có những thay đổi về dự định định hướng tương lai sau khi trải nghiệm tại Mỹ. Tại thời điểm chúng tôi phỏng vấn, K đang là sinh viên năm cuối ngành Kinh tế tài chính tại Mỹ. Dự định của K xuất phát từ nhu cầu khẳng định bản thân và hứng thú mới với ngành học thông qua quá trình trải nghiệm. Trước đó, khi còn ở Việt Nam, bản thân K chưa bao giờ nghĩ đến việc sẽ theo đuổi ngành Toán. Thông qua trải nghiệm đi làm gia sư dạy Toán và trợ giảng môn kinh tế tại trường, K nhận thấy: “Sang đây tự tin mình học giỏi Toán. Phải qua tận Mỹ mới thích học Toán. Mình làm trợ giảng môn kinh tế toàn gặp mấy đứa còn chưa biết tính đại số cơ bản”. Và trong quá trình học tập tại trường, làm việc, có cơ hội trao đổi trực tiếp với giảng viên, K cảm thấy hứng thú và có mong muốn tiếp tục nghiên cứu, mong muốn học lên. Rõ ràng, những dự định này đã có sự thay đổi nhiều so với dự định trước đó. Và chúng cũng luôn được chủ thể xem xét và củng cố. So với thời điểm chúng tôi phỏng vấn K, hiện tại, K đã tiếp tục học lên thạc sĩ theo đúng dự định.

Ngoài ra, quá trình đi du học đối với các du học sinh cũng không phải lúc nào cũng thuận lợi. Chúng tôi nhận thấy rằng, một số nhóm du học sinh có xu hướng bỏ học vì không thích nghi được với môi trường văn hóa xã hội và chịu áp lực liên quan tới kinh tế khi phải duy trì số tiền học phí lớn hơn so với tiềm lực tài chính bản thân họ và gia đình.

## 5. Kết luận

Qua bài viết này, thông qua lăng kính *lý thuyết nghi thức chuyển tiếp*, ba giai đoạn chuyển tiếp trong một chu trình du học của một sinh viên Việt Nam đã được làm rõ. Mỗi giai đoạn có một vai trò quan trọng trong việc xác định vị thế của một sinh viên, diễn tiến tâm lý và có ảnh hưởng rõ rệt tới sự quyết định hướng đi tương lai của sự nghiệp mỗi cá nhân. Đặc biệt, bài viết phân tích những tác động của môi trường xã hội trong giai đoạn 2 (giai đoạn chuyển tiếp), khắc họa vị thế “mơ hồ”, ở “giữa” của du học sinh trong môi trường xã hội mới, lối sống mới và văn hoá khác biệt. Tuy nhiên, không dừng lại ở đó, nghiên cứu chỉ ra rằng, những tương tác với môi trường xã hội trong giai đoạn 2 sẽ đưa đến những quyết định về việc củng cố hay thay đổi định hướng tương lai của mỗi du học sinh. Do đó, không cần phải chờ tới giai đoạn 3 khi hòa nhập tại quê nhà với vị thế mới, mà ngay cả ở giai đoạn chuyển tiếp, những tích lũy về kiến thức, trải nghiệm đã giúp mỗi chủ thể tự đưa ra quyết sách đối với sự nghiệp của mình.

Có thể thấy, các yếu tố về cơ hội ngành nghề và kinh tế thường tác động đến những lựa chọn ban đầu của du học sinh, tuy nhiên, quá trình trải nghiệm của du học sinh về môi trường văn hóa xã hội của đất nước du học trong sự so sánh, tương tác với môi trường văn hóa xã hội nước mẹ để cùng với mối quan hệ với gia đình mới là yếu tố có tác động quyết định đến việc củng cố hay thay đổi định hướng tương lai của họ. Đặc biệt, nhóm du học sinh có định hướng rõ ràng, những dự định tương lai của họ sau khi học tập và trải nghiệm tại đất nước du học đa phần mang tính chất củng cố định hướng tương lai. Nhóm du học sinh chưa có dự định cụ thể hay còn phân vân giữa nhiều hướng đi đa số lại có nhiều sự thay đổi về các dự định tương lai so với dự định ban đầu. Như vậy,

<sup>2</sup> Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 (Số 52/2014/QH13) đã bỏ quy định “cấm kết hôn giữa những người cùng giới tính” khi đối chiếu với Khoản 5 Điều 10 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

<sup>3</sup> Theo Khoản 2 Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014.

mức độ tìm hiểu và định hướng về đất nước du học rõ ràng có ảnh hưởng nhiều không chỉ đến khả năng thích nghi với đất nước du học mà còn ảnh hưởng tới xu hướng chuyển biến các dự định tương lai của du học sinh. Vì vậy, việc định hướng, tư vấn và duy trì tương tác với du học sinh ngay từ ban đầu có thể đóng vai trò quan trọng quyết định đến khả năng thu hút du học sinh quay trở về đóng góp cho sự phát triển của đất nước Việt Nam.

### Tài liệu tham khảo

Ban chấp hành Trung ương Đảng. (1996). *Nghị quyết số 02-NQ/HNTW, Hội nghị lần thứ 2 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) về định hướng chiến lược phát triển khoa học và công nghệ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nhiệm vụ đến năm 2000*, ban hành ngày 24 tháng 12 năm 1996. Hà Nội.

Binaisa, Naluwembe. (2013). Ugandans in Britain making 'new' homes: Transnationalism, place and identity within narratives of integration. *Journal of Ethnic and Migration Studies*, 39(6), 885-902.

Đặng Bích Thủy. (2012). Quan hệ cha mẹ - con cái vị thành niên: Cơ sở lý luận và những vấn đề đặt ra ở Việt Nam hiện nay". *Gia đình và Giới*. số 2, 97-108.

Nguyễn Hồng Chí. (2013). Dòng chảy của du học sinh Việt Nam. Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế *Việt Nam học lần thứ IV - Tiểu ban 9. Giáo dục, khoa học công nghệ và phát triển con người Việt Nam trong hội nhập và phát triển bền vững*. Hà Nội. Nxb. Khoa học xã hội. 44-58.

Nguyễn Hồng Chí. (2020). Các giai đoạn phát triển nhân lực tại Việt Nam. *Khoa học và Công nghệ Đại học Tự nhiên*, 225(10), 127-135.

Nguyễn Vũ Hoàng. (2018). Kiềm hổi từ Hoa Kỳ: Phần chìm của tảng băng trong mối quan hệ xuyên quốc gia. *Khoa học Xã hội và Nhân văn*. 4(4). 47-484.

Nurmi, Jari-Erik. (1991). How do adolescents see their future? A review of the development of future orientation and planning, *Developmental review*, 11(1), 1-59.

Nurmi, Jari-Erik. (2005). Thinking About and Acting Upon the Future: Development of Future Orientation Across the Life Span, in *Understanding behavior in the context of time: Theory, research, and application*, edited by A. Strathman & J. Joireman. 31-57. Mahwah: Lawrence Erlbaum Associates Publishers.

Phạm Thị Thanh Bình và Vũ Thị Phương Dung. (2021). "Chảy máu chất xám ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp". *Những vấn đề về kinh tế và chính trị thế giới*, 5 (201). 47-52.

Phạm Trang. (20/11/2020). Người Việt đứng thứ 6 về số du học sinh tại Mỹ. *Báo Tuổi trẻ Online*. <https://tuoitre.vn/nguoi-viet-dung-thu-6-ve-so-du-hoc-sinh-tai-my-2020112016473437.htm>

Seginer, Rachel, Hoda Halabi-Kheir. (1998). Adolescent passage to adulthood: Future orientation in the context of culture, age, and gender. *International Journal of Intercultural Relations*. 22(3). 309-328.

Seginer, Rachel. (2009). *Future orientation: Developmental and ecological perspectives*. Springer Science & Business Media.

Trần Khánh Đức. (2020). Chính sách quốc gia về giáo dục và phát triển nguồn nhân lực Việt Nam trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế. [http://www.hids.hochiminhcity.gov.vn/c/document\\_library/get\\_file?uuid=1a0c7fd2-3ef6-4637-a549-5fcbe5d0060b&groupId=13025](http://www.hids.hochiminhcity.gov.vn/c/document_library/get_file?uuid=1a0c7fd2-3ef6-4637-a549-5fcbe5d0060b&groupId=13025).

Tran, Ly Thi and Gomes, Catherine. (2017). Student mobility, connectedness and identity. in *International student connectedness and identity*, edited by Tran, L. T., & Gomes, C., 1-11. Singapore: Springer.

Turner, Victor. (1967). *The Forest of Symbols: Aspects of Ndembu Ritual*, Ithaca: Cornell University Press.

Turner, Victor. (1969). *The Ritual Process: Structure and Anti-Structure*, Chicago, IL: Aldine.

Turner, Victor. (1974). Social Dramas and Stories about Them. in *Narrative I* edited by W. J. T. Mitchel. 137-164. Chicago: University of Chicago Press.

Van Gennep, A. ([1909] 1960). *The Rites of Passage*. Chicago: The University of Chicago Press.